

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2024

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong các tổ chức, quan, đơn vị;

Hôm nay, vào hồi 09h00' ngày 02/01/2025, tại Trụ sở Cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thành phố Uông Bí.

1. Thành phần:

- Đại diện Lãnh đạo cơ quan: Ông Trần Nam Hải - Trưởng phòng;
- Đại diện Ban chấp hành Công đoàn cơ quan: Bà Trần Thị Hồng Thu - Chủ tịch công đoàn;
- Thư ký: Bà Lưu Thanh Tâm - Chuyên viên Phòng GD&ĐT.

2. Nội dung: Tiến hành niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2024 của cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai tài sản, thu nhập cá nhân theo quy định của pháp luật, cụ thể:

2.1. Danh sách những người công khai bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân năm 2024 gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ, nhiệm vụ được giao	Đơn vị công tác
1	Trần Nam Hải	Trưởng phòng	Phòng GD&ĐT
2	Trần Thị Hồng Thu	Phó trưởng phòng	Phòng GD&ĐT
3	Nguyễn Văn Thanh	Phó trưởng phòng	Phòng GD&ĐT

2.2. Thời gian niêm yết: 16 ngày liên tục, từ ngày 02/01/2025 đến hết ngày 18/01/2025.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở của Cơ quan Phòng GD&ĐT thành phố Uông Bí.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung bản kê khai tài sản, thu nhập cá nhân của những người theo danh sách nêu trên, đề nghị gửi kiến nghị về cơ quan Phòng GD&ĐT thành phố qua Bà Lưu Thanh Tâm (địa chỉ mail: luuthanhtam.c1quangtrung@quangninh.edu.vn, số điện thoại: 0393.016.789) để tổng hợp và giải quyết theo quy định.

Giao Bà Lưu Thanh Tâm thực hiện việc bảo đảm an toàn các bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức cơ quan Phòng GD&ĐT thành phố từ



khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký xác nhận.

Biên bản được lập thành 02 bản, trong đó: 01 bản lưu hồ sơ tại trường, 01 bản nộp về Phòng GDĐT thành phố./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

CHỦ TRÌ



Lưu Thanh Tâm



Trần Thị Hồng Thu



Trần Nam Hải
(TRƯỞNG PHÒNG)



BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(Ngày 31 tháng 12` năm 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN NAM HẢI. Ngày tháng năm sinh: 18/9/1971
- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng phòng.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng Giáo dục và Đào tạo TP Uông Bí
- Nơi thường trú: Tổ 19A- Khu Bí Giàng – Phường Yên Thanh – Uông Bí – Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 022071003319 ngày cấp 25/4/2021 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: BÙI THỊ LIÊN. Ngày tháng năm sinh: 15/9/1975.
- Nghề nghiệp: Giáo viên.
- Nơi làm việc: Trường THCS Nguyễn Trãi – TP Uông Bí
- Nơi thường trú: Tổ 19A- Khu Bí Giàng – Phường Yên Thanh – Uông Bí – Quảng Ninh.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034175009064 ngày cấp 16/5/2022 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ công an.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất: Không.

3.2. Con thứ hai (trở lên): Không.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 19A- Khu Bí Giàng – Phường Yên Thanh – Uông Bí – Quảng Ninh.
- Diện tích: 180 m²
- Giá trị: 650.000.000 VNĐ (650 triệu đồng thời điểm năm 2016).
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: CD123023, CD123024 do UBND TP Uông Bí cấp ngày 31 tháng 10 năm 2016. Mang tên 2 vợ chồng – Trần Nam Hải và Bùi Thị Liên.
- Thông tin khác (nếu có): Không.

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không.

1.2. Các loại đất khác: Không.

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Không.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Tổ 19A- Khu Bí Giàng – Phường Yên Thanh – Uông Bí – Quảng Ninh.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ.

- Diện tích sử dụng: 240m².

- Giá trị: 1.500.000.000 VNĐ (1 tỷ năm trăm triệu đồng, thời điểm năm 2017)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có): Không.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không.

2.2. Công trình xây dựng khác: Không.

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không.

3.1. Cây lâu năm: Không.

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất: Không.

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: Không.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: Không.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không.

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: Không.

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: Không.

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản: Xe ô tô 04 chỗ Số đăng ký: 14A – 074-29. Giá trị: 650 triệu VNĐ (thời điểm năm 2013).

- Tên tài sản: Xe gắn máy. Số đăng ký: 14Z1- 261-44 Giá trị: 64 triệu đồng (thời điểm năm 2016)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): Không.

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

- Tên tài sản: Năm bắt đầu sở hữu: Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không.

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không.

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 444.445.942VNĐ

- Tổng thu nhập của người kê khai: 238.431.267VNĐ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 206.024.675VNĐ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50			

triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		444.455.942	Tiền lương và thu nhập tăng thêm của 2 vợ chồng năm 2024

Ông Bí, ngày...tháng...năm 2024
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ông Bí, ngày 31 tháng 12 năm 2024
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


Trần Nam Hải

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Văn Thanh Sinh ngày 26/12/1978
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó trưởng phòng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng GDĐT - Uông Bí
- Nơi thường trú: Tổ 17 – Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh
- Số căn cước: 022078000528; cấp ngày 25/4/2021; do Cục CSQLHCVTTXH cấp.

2. Vợ của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Dương Thị Lý Sinh ngày 13/3/1977
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc: Trường THCS Trần Quốc Toàn – Uông Bí
- Nơi thường trú: Tổ 17 – Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh
- Số căn cước: 022177009186; cấp ngày 14/8/2021; do Cục CSQLHCVTTXH cấp.

3. Con chưa thành niên (con đẻ theo quy định của pháp luật)

a) Con thứ nhất: đã qua tuổi thành niên

b) Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Tuấn Dũng
- Ngày, tháng, năm sinh: 09/8/2007
- Hộ khẩu thường trú: Tổ 17 – Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh
- Chỗ ở hiện tại: Tổ 17 – Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

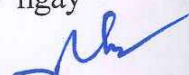
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- + Địa chỉ: Tổ 17 – Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh.
- + Diện tích: 147.9 m²
- + Giá trị: Không rõ
- + Thông tin khác (nếu có): Bố mẹ đẻ và em cho tặng

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CH00078, thửa đất số 20A, tờ bản đồ địa chính số 88 do UBND thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh cấp ngày



19/5/2017.

+ Mang tên: Nguyễn Văn Thanh và Dương Thị Lý

1.1.2. Thừa thứ hai:

+ Địa chỉ: Tổ 13 – Khu 4 – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh.

+ Diện tích: 204.1 m²

+ Giá trị: Không rõ

+ Thông tin khác (nếu có): Bố mẹ vợ cho tặng

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số CH000482, thửa đất số 82A, tờ bản đồ địa chính số 14 do UBND thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/7/2017.

+ Mang tên: Nguyễn Văn Thanh và Dương Thị Lý

1.2. Các loại đất khác: Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

+ Địa chỉ: tại Tổ 17 - Khu 8 – Bắc Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh

+ Loại nhà: Cấp công trình: 2 tầng (mái bằng)

+ Diện tích xây dựng: 187.55m²

+ Giá trị: 850 triệu đồng

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Nguyễn Văn Thanh, Dương Thị Lý do UBND thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh cấp.

+ Thông tin khác (nếu có): Không

2.1.2. Nhà thứ 2: Không có

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất

3.1. Cây lâu năm: không có

3.2. Rừng sản xuất: không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 01 cây vàng SJC

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên: 300 triệu đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu: không có

6.2. Trái phiếu: không có

6.3. Vốn góp: không có

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: không có

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (*tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...*): 01 xe ô tô Corola Altis 05 chỗ ngồi, sản xuất năm 2010; mua lại giá 350 triệu đồng năm 2020, sang tên tháng 8/2023.

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): không có

8. Tài sản ở nước ngoài: không có

9. Tài khoản ở nước ngoài: không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 433.994.279 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 229.256.956 đồng.

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 204.737323 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng	Không		
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	Không		
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.	+ 01 thẻ tiết kiệm	200.000.000đ	Từ tiết kiệm tiền lương, phụ cấp

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	Không		
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	Không		
8. Tài sản ở nước ngoài.	Không		
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	+	433.994.279đ	Tiền lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm của 2 vợ chồng từ tháng 12/2023 đến hết tháng 12/2024

Ngày nhận Bản kê khai tài sản, thu nhập

Uông Bí, ngày.....tháng ... năm 202...

Người nhận Bản kê khai

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Ngày hoàn thành Bản kê khai

Uông Bí, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Người kê khai tài sản

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Thanh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM
(NGÀY 06 THÁNG 12 NĂM 2024)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: TRẦN THỊ HỒNG THU Ngày tháng năm sinh: 01/01/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó trưởng phòng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Phòng Giáo dục và đào tạo
- Nơi thường trú: Tổ 14A – Khu 4 – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh
- Số căn cước công dân: 022175003439, ngày cấp 25/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: NGUYỄN VĂN LỢI Ngày tháng năm sinh: 10/08/1971
- Nghề nghiệp: Công nhân lái máy xúc
- Nơi làm việc: Công ty Gốm Thanh Sơn – Uông Bí – Quảng Ninh
- Nơi thường trú: Tổ 14A – Khu 4 – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh
- Số căn cước công dân: 010071000042, ngày cấp 25/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- + Địa chỉ: : Số 187 – Tổ 14A – Khu 4 – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh
- + Diện tích: 68 m²
- + Giá trị: 22.250.000,0 VNĐ (mua năm 2001)
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số T141094. Cấp ngày 02/01/2002 do UBND Thị xã Uông Bí cấp, người sử dụng đất – chủ sở hữu mang tên Trần Thị Hồng Thu.
- + Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ 2

- + Địa chỉ: : Tổ 14B - Khu 5B – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh
- + Diện tích: 116,8 m²
- + Giá trị: 200.000.000 VNĐ (mua năm 2020)
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CR 501210. Cấp ngày 16/6/2020 do UBND thành phố Uông Bí cấp, người sử dụng đất – chủ sở hữu mang tên Nguyễn Văn Lợi và Trần Thị Hồng Thu.
- + Thông tin khác (nếu có):

Thư

1.1.3. Thừa thứ 3:

Không có

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 187 – Tổ 14A – Khu 4 – Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh

+ Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ.

+ Diện tích sử dụng: 192 m² sàn.

+ Giá trị: 356.000.000,0 VNĐ (xây năm 2005)

+ Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

+ Thông tin khác (nếu có):

- Nhà ở thứ 2: Không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

Không có

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

Không có

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

Không có

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

06 sổ tiết kiệm trị giá 910 triệu VNĐ

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

6.2. Trái phiếu: Không có

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

Ô tô: 01 xe Altis màu bạc đăng ký 2021, biển số 14A-62134; hãng TOYOTA, giá trị 398.500.000,00 VNĐ

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

Không có

Handwritten signature

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:

Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

Không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 258.035.855,00 vnd
- Tổng thu nhập của chồng: 271.000.000,00 vnd
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng thu nhập từ lãi suất gửi ngân hàng: 27.918.035,00vnd
- Tổng các khoản thu nhập chung: 18.000.000,00 vnd

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác	+ 01 sổ TK	+ 260.000.000,0 vnd	Tiết kiệm chi tiêu từ nguồn thu nhập trong năm

Handwritten signature

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾			
		+574.953.890,00 VNĐ	Tổng lương và các khoản thu nhập khác trong năm 2024 của gia đình

Uông Bí, ngày.....tháng 12 năm 2024

NGƯỜI NHẬN BẮN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Uông Bí, ngày 06 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hồng Thu